TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 83/2025/QĐST-HNGĐ	*PL, ngày 07 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 83/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Anh N, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn B, xã LV, huyện PL, thành phố Huế.

- Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn B, xã LV, huyện PL, thành phố Huế.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Anh N và chị Lê Thị Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22/03/2017 tại Ủy ban nhân dân xã LV, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) nên quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Anh N và chị Lê Thị Thu H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, anh Nvà chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Anh N và chị Lê Thị Thu H là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[2] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Anh N và chị Lê Thị Thu H thỏa thuận giao 02 người con chung là Lê Gia H, sinh ngày 02/5/2018 và Lê Nhã Ph, sinh ngày 31/01/2025 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Lê Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng/con chung (tức là 5.000.000 đồng/02 con chung) kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Xét sự thỏa thuận về nuôi con chung của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lê Anh N và chị Lê Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Anh N và chị Lê Thị Thu H thuận tình ly hôn.

1.2. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 người con chung là Lê Gia H, sinh ngày 02/5/2018 và Lê Nhã Ph, sinh ngày 31/01/2025 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Lê Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000 đồng/con chung (tức là 5.000.000 đồng/02 con chung) kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Lê Anh N và chị Lê Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh Lê Anh N và chị Lê Thị Thu H mỗi người chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mỗi người đã nộp 150.000 đồng theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002079 và Biên lai số 0002080, cùng ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, thành phố Huế. Anh N và chị H đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Tư pháp hộ tịch UBND xã LV *(ĐKKH ngày 22/03/2017);*
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú